

Số: 1755/QĐ-CT

Quảng Nam, ngày 12 tháng 10 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH
một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Khai thác thủy lợi Quảng Nam**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 3201/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Công văn số 577/VPUBND-KTTH ngày 06/4/2018 của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Nam về việc đề nghị phê duyệt báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam; Công văn số 2030/STC-DN ngày 30/9/2014 của Sở Tài chính Quảng Nam về việc hướng dẫn phê duyệt Báo cáo tài chính và quản lý, sử dụng các Quỹ của các Công ty TNHH một thành viên nhà nước sở hữu 100% vốn;

Căn cứ ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thuế ATAX tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 90-TC18/BC-ATAX ngày 27/3/2018 và Báo cáo số 455/BC-KSV ngày 06/4/2018 của Kiểm soát viên Công ty về thẩm định kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQHĐTV-CT ngày 27/3/2018 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam họp phiên thường kỳ trong Quý I năm 2018 - Kỳ họp tháng 3/2018,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác Thủy lợi Quảng Nam, với các nội dung chính sau:

1. Hoạt động sản xuất của Công ty năm 2017 tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thuế ATAX.

3. Các chỉ tiêu chính tại báo cáo tài chính năm 2017:

3.1 Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:

- Tổng doanh thu	:	65.973.797.093, đồng
Trong đó: + SP, DV công ích thủy lợi	:	47.357.367.874, đồng
+ SP, DV thủy lợi khác	:	10.684.212.447, đồng
+ Tài chính	:	257.974.542, đồng
+ Khác	:	99.242.230, đồng
+ Ngân sách trợ cấp	:	7.575.000.000, đồng
- Tổng chi phí	:	65.802.700.753, đồng
- Lợi nhuận sau thuế	:	171.096.340, đồng
- Nộp ngân sách	:	831.614.705, đồng

3.2 Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017:

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ 31/12/2017	Số đầu kỳ 01/01/2017
A. Tài sản ngắn hạn	100	35.574.384.260	31.877.526.799
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	27.696.114.554	23.764.719.560
1. Tiền	111	27.696.114.554	23.764.719.560
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.376.622.031	5.582.980.603
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.977.315.452	5.114.307.831
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.261.526.503	1.340.071.503
3. Phải thu khác ngắn hạn khác	136	240.832.633	166.613.833
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(1.164.624.338)	(1.099.584.345)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	61.571.781	61.571.781
IV. Hàng tồn kho	140	1.140.374.316	1.835.751.205
1. Hàng tồn kho	141	1.176.613.139	1.849.087.577
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(36.238.823)	(13.336.372)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.361.273.359	694.075.431
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	1.361.273.359	694.075.431

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ 31/12/2017	Số cuối kỳ 31/12/2017
B. Tài sản dài hạn	200	1.531.317.240.791	1.500.242.716.480
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	0	0
II. Tài sản cố định	220	1.520.949.241.647	1.483.626.886.256
1. Tài sản cố định hữu hình	221	1.520.949.241.647	1.483.626.886.256
- Nguyên giá	222	1.590.100.431.009	1.549.869.714.409
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(69.151.189.362)	(66.242.828.153)
III. Bất động sản đầu tư	230		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	9.163.944.559	15.868.603.559
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9.163.944.559	15.868.603.559
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	1.204.054.585	747.226.665
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.204.054.585	747.226.665
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.566.891.625.051	1.532.120.243.279

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ 31/12/2017	Số đầu kỳ 01/01/2017
A. Nợ phải trả	300	21.625.625.533	23.594.341.121
I. Nợ ngắn hạn	310	21.625.625.533	23.594.341.121
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11.041.999.658	10.209.911.770
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	204.625.211	198.224.736
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	171.578.823	327.769.396
4. Phải trả người lao động	314	10.317.527.626	9.789.190.345
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	74.103.782	123.608.041
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(184.209.567)	2.945.636.833
II. Nợ dài hạn	330		
B. Vốn chủ sở hữu	400	1.545.265.999.518	1.508.525.902.158
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.545.067.855.848	1.508.318.572.988
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.530.982.207.439	1.491.114.732.439
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.208.015.184	916.584.664
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	182.113.616	11.017.276
- LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a	11.017.276	11.017.276
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	171.096.340	
4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	9.695.519.609	16.276.238.609
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	198.143.670	207.329.170
1. Nguồn kinh phí	431	138.643.270	138.643.270
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	59.500.400	68.685.900
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.566.891.625.051	1.532.120.243.279

4. Đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2017.

4.1 Công tác quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

a) Tình hình đầu tư tài sản:

a.1 Giá trị tài sản cố định hình thành qua đầu tư : 40.732.802.000, đồng
Trong đó:

- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành từ nguồn khấu hao cơ bản tái đầu tư (Đầu tư phát triển doanh nghiệp) : 865.327.000, đồng
- Xây dựng cơ bản hoàn thành từ nguồn kinh phí ngân sách Tỉnh cấp:
 - + Trạm bơm chống hạn cuối kênh hồ chứa nước Phước Hà (Quyết định số 12/QĐ-STC ngày 11/01/2017 của Sở Tài chính) : 4.778.303.000, đồng
 - + Nâng cấp hệ thống kênh chính đoạn K1+298 - K2+078 và kênh N1 đoạn K0 - K2+710 hồ chứa nước Thạch Bàn (Quyết định số 38/QĐ-STC ngày 02/3/2017 của Sở Tài chính) : 7.421.491.000, đồng
- Nhận bàn giao công trình từ các Chủ đầu tư:
 - + Nhận bàn giao Đập dâng Đồng Hòe (Quyết định số 207/QĐ-STC ngày 11/9/2017 của Sở Tài chính) : 6.902.337.000, đồng
 - + Nhận bàn giao Trạm bơm Tứ Sơn (Công văn số 6054/UBND-KTN ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 3830/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam) : 19.824.042.000, đồng
 - + Nhận bàn giao Kênh Bàu Xuy (Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND huyện Thăng Bình) : 941.302.000, đồng

a.2 Giá trị tài sản cố định giảm trong năm: 472.586.400, đồng

Thanh lý Nhà kho, nhà xưởng sản xuất, nhà ở tập thể, tường rào,... Chi nhánh Thủy lợi Phú Ninh để trả lại đất cho nhà nước xây dựng dự án Khu dân cư - Tái định cư Tây Bắc đường Thanh Hóa, phường An Sơn, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam theo Quyết định số 10602/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của UBND thành phố Tam Kỳ, trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định : 472.586.400, đồng
- Giá trị hao mòn lũy kế : 472.586.400, đồng
- Giá trị còn lại : 0, đồng

a.3 Đánh giá hiệu quả mang lại của các dự án đã đưa vào sử dụng:

Ngoại trừ các hạng mục công trình nhận bàn giao từ các Chủ đầu tư, các hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư, được thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện

hành về quản lý đầu tư xây dựng như: chủ trương đầu tư, kế hoạch bố trí vốn, tiến độ giải ngân, bảo vệ môi trường, tiến độ thực hiện,...

Nhìn chung, tất cả các tài sản được nhận bàn giao, đầu tư trong năm 2017 đều được sử dụng đúng mục đích, phát huy được hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực hoạt động của công trình và ổn định sản xuất.

b) Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không

c) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không

d) Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

d.1 Quản lý tài sản:

- Hội đồng thành viên Công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc nguồn vốn khấu hao cơ bản tái đầu tư và ủy quyền Giám đốc Công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định từ nguồn vốn khấu hao cơ bản tái đầu tư của Công ty có mức vốn đầu tư cho từng công trình không quá 03 tỷ đồng; các hạng mục công trình có mức vốn đầu tư lớn hơn 03 tỷ đồng đến dưới 5% giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm gần nhất thì Giám đốc Công ty phải báo cáo Hội đồng thành viên quyết định. Giám đốc Công ty quyết định các dự án thuộc nguồn chi phí sửa chữa lớn của Công ty, nguồn kinh phí khắc phục sửa chữa kết cấu hạ tầng bị thiệt hại do thiên tai năm 2016 do ngân sách Tỉnh hỗ trợ,... theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Quy trình thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm, sửa chữa tài sản trong năm 2017 đúng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng;

- Việc trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện đúng nguyên tắc, chế độ quản lý, sử dụng và thời gian trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính;

- Thủ tục thanh lý tài sản đúng quy định hiện hành; đối với tài sản nằm trong dây chuyền sản xuất, khi thanh lý đã được sự đồng ý bằng văn bản của UBND tỉnh và có sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong quá trình thanh lý tài sản:

+ Một số vật tư, máy móc thiết bị được thu hồi từ các dự án WB, dự án địa phương làm Chủ đầu tư tại các công trình do Công ty quản lý, đang làm thủ tục và chờ xin ý kiến của UBND tỉnh để bàn giao cho địa phương hoặc thanh lý,...

+ Đã làm thủ tục xin trả lại 02 thửa đất và thanh lý tài sản trên đất là Nhà làm việc Trạm Khai thác thủy lợi Hội An (diện tích là 294,28 m²) và Nhà quản lý Chiên Đàn (diện tích là 128,30 m²) không có nhu cầu sử dụng; đang chờ ký kiến của UBND tỉnh Quảng Nam.

- Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ chủ yếu gồm: Nguyên, nhiên, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua nhập kho để xuất dùng cho sản xuất khi cần thiết và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (tiền điện bơm tưới, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định vụ Đông Xuân 2016-2017). Giá trị hàng tồn kho (dự phòng cho sự cố công trình và phòng chống lụt bão,...) qua kiểm kê có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được đã được đánh giá và lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đúng quy định;

- Thực hiện kiểm kê tài sản, nguyên vật liệu,... đúng quy định.

d.2 Quản lý nợ phải thu, nợ phải trả:

- Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nợ theo Quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ. Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; phân loại các khoản nợ và thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ; trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi trong phạm vi tình hình tài chính của doanh nghiệp; thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thực hiện quản lý nợ phải thu, phải trả theo đúng Quy chế quản lý nợ.

- Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

+ Tổng số nợ phải thu đến kỳ báo cáo	:	5.376.622.031, đồng
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi	:	1.070.706.251, đồng
+ Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	:	1.164.624.338, đồng
Trong đó:		

* Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp: 743.383.740, đồng

* Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi trích lập bổ sung trong năm 2017 là 65.039.993, đồng (chi phí không được trừ khi tính thuế) cho các khoản nợ phải thu các Ban quản lý dự án từ năm 2004 về trước.

+ Xử lý công nợ khó đòi trong kỳ: Số nợ phải thu khó đòi là số nợ phát sinh trước thời điểm chuyển đổi doanh nghiệp (*chi tiết lưu tại hồ sơ chuyển đổi doanh nghiệp*), trong kỳ báo cáo năm 2017 đã thu được 71.430.994, đồng nợ khó đòi, không có phát sinh nợ phải thu khó đòi.

+ Nợ phải thu giảm so với cùng kỳ năm 2016 là 206.358.572, đồng.

- Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

+ Tổng số nợ phải trả đến kỳ báo cáo	:	21.625.625.533, đồng
--------------------------------------	---	----------------------

+ Nợ phải trả tăng so với cùng kỳ năm 2016 là 1.968.715.588, đồng; các khoản nợ phải trả còn trong thời hạn thanh toán, không có nợ quá hạn, gồm:

- Tiền lương năm 2017 của Người lao động và Người quản lý doanh nghiệp chờ thẩm định, phê duyệt;

- Phải trả các nhà thầu thực hiện các hạng mục công trình trong năm 2017 nhưng chưa đến hạn thanh toán;

- Các khoản thuế phải nộp trong tháng 12/2017 chưa đến hạn nộp (đã nộp trong tháng 01/2018).

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn: ($\approx 1,65$ lần)

Trong đó: + Tài sản ngắn hạn	:	35.574.384.260, đồng
+ Nợ ngắn hạn	:	21.625.625.533, đồng

Công ty đủ khả năng thanh toán nợ.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: ($\approx 1,4\%$)

Trong đó: + Vốn chủ sở hữu	:	1.544.885.742.232, đồng
+ Nợ phải trả	:	21.625.625.533, đồng

4.2 Tình hình bảo toàn và phát triển vốn.

Trong năm 2017 Công ty đã thực hiện quản lý nguồn vốn Nhà nước giao đúng quy định, có hiệu quả, bảo toàn được nguồn vốn do Nhà nước giao quản lý, không để thất thoát vốn.

Vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm báo cáo 31/12/2017 tăng so với cùng kỳ năm 2017 ($H > 1$) chủ yếu do tăng giá trị tài sản nhận bàn giao từ các Chủ đầu tư.

4.3 Tình hình sản xuất kinh doanh.

a) Về sản lượng sản xuất (nghiệm thu diện tích tưới).

- Diện tích tưới kế hoạch năm 2017 : 50.367,90 ha
- Diện tích tưới thực hiện năm 2017 : 50.426,61 ha
- * Thực hiện so với kế hoạch (tăng) : 58,71 ha

* Nguyên nhân tăng, giảm diện tích:

- Tưới thay cho các trạm bơm của địa phương bị nhiễm mặn; tạo nguồn hỗ trợ cho các công trình của địa phương bị thiếu nước do nắng hạn, nhiễm mặn,...;
- Cấp nước cho các công trình của địa phương mới được đầu tư kênh mương, mở rộng khu tưới từ năm 2017;...
- Nhà nước thu hồi đất xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, khu dân cư, trạm y tế, nhà văn hóa;...

b) Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu:

Như đã nêu trên, Công ty được giao thực hiện nhiệm vụ công ích là cung cấp nước tưới, phục vụ sản xuất nông nghiệp, hoạt động của Công ty không vì mục tiêu lợi nhuận; vì vậy không thể đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) và Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA).

c) Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích.

Kết quả thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích thông qua chỉ tiêu nghiệm thu tưới năm 2017 (số liệu tại điểm a Mục 3), diện tích thực hiện tăng so với kế hoạch 58,71 ha, tương ứng doanh thu tăng 82.711.075, đồng, chủ yếu do phát sinh việc tưới hỗ trợ cho các công trình của địa phương bị nhiễm mặn, không đủ nguồn nước trong vụ Hè Thu, cấp nước cho các công trình mới được đầu tư đưa vào sử dụng,...

Chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất kịp thời, không để xảy ra khô hạn làm ảnh hưởng đến năng suất cây trồng.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, cụ thể:

- Về khối lượng sản phẩm dịch vụ công ích đạt 100,6% so với cùng kỳ năm 2016 và đạt 100,12% so với kế hoạch năm 2017;
- Về doanh thu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích 65.973.797.093, đồng đạt 103,48% so với cùng kỳ năm 2016 (trong đó: Trợ cấp từ ngân sách 7.575.000.000, đồng - chiếm 11,48% tổng doanh thu) và đạt 101,49% kế hoạch năm 2017.

d) Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo.

Lượng tiền mặt của Công ty chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp, số dư tiền và tương đương tiền đầu kỳ và cuối kỳ đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu cho hoạt động sản xuất của Công ty.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

a) Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước: Công ty thực hiện việc kê khai, nộp các khoản nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước kịp thời, đúng quy định.

b) Tình hình phân phối lợi nhuận: Trong năm 2017 không phát sinh nghiệp vụ phân phối lợi nhuận.

c) Trích lập và sử dụng các quỹ: Trong năm 2017 chưa được ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ các quỹ nên không phát sinh nghiệp vụ trích lập các quỹ.

Công ty đã sử dụng các quỹ đúng quy định, bảo đảm công khai, công bằng, minh bạch. Nội dung chi các quỹ gồm:

+ Quỹ khen thưởng: Chi thưởng đột xuất và định kỳ cho cá nhân, tập thể người lao động đạt thành tích công tác,...

+ Quỹ phúc lợi: Chi thăm ốm đau, hiếu hỉ, trợ cấp khó khăn cho người lao động, mua sắm đồ dùng, sửa chữa các công trình phúc lợi, hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động, đóng góp từ thiện xã hội,...

6. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật.

a) Về chấp hành chính sách thuế: Thực hiện kê khai, nộp các khoản thuế đúng quy định.

b) Về chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội:

- Tiền lương:

Việc xác định quỹ tiền lương năm 2017 tại Công ty được thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; thẩm định của các Sở chuyên ngành và phê duyệt của UBND tỉnh Quảng Nam, cụ thể:

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của Người lao động Công ty thực hiện theo Công văn số 777/LĐTBXH-LĐVL ngày 04/6/2018 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của Người quản lý Công ty thực hiện theo Quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam.

- Bảo hiểm xã hội:

+ Thực hiện trích lập và nộp các khoản bảo hiểm đúng quy định, kịp thời;

+ Người lao động nghỉ việc, chấm dứt hợp đồng lao động được trả trợ cấp nghỉ việc đầy đủ, đúng quy định;

+ Các chế độ ốm đau, thai sản được lập và thanh toán đúng quy định.

c) Về chế độ tài chính, kế toán, thống kê:

- Thực hiện hạch toán kế toán và quản lý tài chính theo quy định của Luật kế toán; tổ chức công tác thống kê kế toán theo quy định;

- Toàn bộ hoạt động của Công ty được tổ chức tổng hợp, thống kê theo từng lĩnh vực, đúng quy định.

d) Về chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính, báo cáo thống kê,...

- Chấp hành việc lập các báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính, báo cáo thống kê và các báo cáo khác đúng quy định về nội dung và thời gian;

- Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giám đốc Công ty căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được phê duyệt, chịu trách nhiệm triển khai thực hiện đúng quy định.

Điều 3. Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Trưởng các phòng chức năng, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc các chi nhánh trực thuộc căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *HLH*

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở Tài chính (b/cáo);
- Sở Nông nghiệp & PTNT (b/cáo);
- Kiểm soát viên Công ty;
- Lưu: VT, TC-KT.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



HLH
Huỳnh Hoàng